

Bản án số: 27/2018/DSST

Ngày 30-7-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kiều Nga**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: số 170 đường H, phường Đ, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Mạnh K** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Mạnh Q** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Theo Giấy ủy quyền số 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04/5/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Ủy quyền lại cho: Ông **Dương Đồng T** - Chức vụ: Nhân viên Xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Theo Giấy ủy quyền số 598/UQ-TGD.18 ngày 08/5/2018 của Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2. Bị đơn: - Anh **Nguyễn Văn H1** – sn 1981 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: số 242B, ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Chị **Dương Mỹ Y** – sn 1981 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: số 761, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Văn H2** – sinh năm 1954 (vắng mặt lần 2 không lý do)

- Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1958 (chết ngày 08/7/2017)

** Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị T:*

- Anh **Nguyễn Văn H3** – sinh năm 1983 (vắng mặt lần 2, không lý do)

- Anh **Nguyễn Thái N** – sinh năm 1985 (vắng mặt lần 2, không lý do)

- Chị **Nguyễn Thị Mỹ X** – sinh năm 1987 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: số 242, ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ông Dương Đồng T trình bày:***

Vào ngày 27/4/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Kiên Giang đã ký Hợp đồng Cho vay hạn mức số 1517/17/TD/XXIII với anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y để cấp hạn mức cho vay cho anh H1, chị Y với số tiền tối đa là 1.690.000.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng), mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh (thu mua lúa); thời hạn hiệu lực rút vốn của hạn mức cho vay là 12 tháng, kể từ ngày 27/4/2017 đến ngày 27/4/2018, thời gian cam kết rút vốn: rút vốn lần đầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng; thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ, không quá 06 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần A giải ngân; tổng số tiền vay của các Giấy nhận nợ phải đảm bảo luôn luôn bằng hoặc nhỏ hơn hạn mức cho vay nêu trên; thời điểm vay kết thúc trên giấy nhận nợ có thể vượt quá thời hạn hiệu lực rút vốn vay nói trên; lãi suất, phí, phạt được quy định trong từng giấy nhận nợ. Sau đó ngày 28/4/2017, anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y đã ký Giấy nhận nợ số 1517/17/GNN/XXIII.01 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, trong đó thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 11.1%/năm, lãi suất này được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo chính sách của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ngay khi Ngân hàng thông báo thay đổi lãi suất; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; không có thỏa thuận lãi phạt chậm trả lãi, để thực hiện rút vốn vay với số tiền là 1.690.000.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng). Tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh

Nguyễn Văn H1 và chị Dương Mỹ Y là quyền sử dụng đối với các thửa đất số 931, 936 và 940, tờ bản đồ số 95, tổng diện tích 28.596,4m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm khác và đất trồng lúa, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 917388, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00249, ngày 27/9/2010, mang tên bà Nguyễn Thị T, đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số 1381A/16/BL/XXIII ngày 13/4/2016 giữa ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y và xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T dùng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tại Hợp đồng Cho vay hạn mức số 1517/17/TD/XXIII ngày 27/4/2017.

Trong quá trình vay vốn, anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y chỉ trả được cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền lãi là 56.212.443đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm mười hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng) và khi đến hạn thanh toán khoản vay vào ngày 28/10/2017, tức sáu tháng sau ngày Ngân hàng giải ngân và được ghi rõ trong giấy nhận nợ, anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y không thực hiện việc trả gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Sau đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nhiều lần liên hệ, thông báo nhắc nợ, thông báo về việc chuyển nợ quá hạn, thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn, thông báo về việc yêu cầu khách hàng tự xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ vay; nhưng đến nay anh H1, chị Y vẫn không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y phải trả cho Ngân hàng một lần số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/7/2018 là 1.939.841.924đ (Một tỷ chín trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 1.690.000.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 37.839.527đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi chín nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 212.002.397đ (Hai trăm mười hai triệu không trăm lẻ hai nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y không trả được nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thu hồi nợ.

**** Theo bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được vào các ngày 18/6/2018 và 29/6/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y trình bày:***

Anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ông Dương Đồng T và thừa nhận vào ngày 27/4/2017, vợ chồng anh chị có ký hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A để vay số tiền gốc là 1.690.000.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y xác nhận là hiện nay vợ chồng anh chị còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2018 là 1.907.463.376đ (Một tỷ chín trăm lẻ bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 1.690.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/6/2018 là 217.463.376đ (gồm lãi trong hạn là 37.839.527đ và lãi quá hạn là 179.623.849đ).

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh chị trả số nợ trên thì anh H1, chị Y xin trả dần cứ ba tháng trả 01 lần cho đến khi dứt nợ, trả trong vòng 05 kỳ. Nếu anh H1, chị Y không trả được nợ cho Ngân hàng thì anh H1, chị Y đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp mà anh H1, chị Y đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A để Ngân hàng thu hồi nợ.

**** Theo các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 29/6/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2 và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị T là anh Nguyễn Thái N, chị Nguyễn Thị Mỹ X trình bày:***

Ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Thái N và chị Nguyễn Thị Mỹ X thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, xin để cho anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y trả dần. Trong trường hợp anh H1, chị Y không trả được nợ cho Ngân hàng thì đồng ý cho phát mãi tài sản thế chấp vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị T (mà nay anh N, chị X được thừa kế quyền và nghĩa vụ) để Ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn H3, anh Nguyễn Thái N, chị Nguyễn Thị Mỹ X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H1, chị Y, ông H2, anh H3, anh N và chị X vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1, chị Y, ông H2, anh H3, anh N, chị X nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y, ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn H3, anh Nguyễn Thái N và chị Nguyễn Thị Mỹ X.

- **Về nội dung tranh chấp:**

[1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét thấy vào ngày 27/4/2017, Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Kiên Giang có ký Hợp đồng Cho vay hạn mức số 1517/17/TD/XXIII với anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y để cấp hạn mức cho vay cho anh H1, chị Y với số tiền tối đa là 1.690.000.000đ; mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh (thu mua lúa); thời hạn hiệu lực rút vốn của hạn mức cho vay là 12 tháng, kể từ ngày 27/4/2017 đến ngày 27/4/2018, thời gian cam kết rút vốn: rút vốn lần đầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng; thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ, không quá 06 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần A giải ngân; tổng số tiền vay của các Giấy nhận nợ phải đảm bảo luôn luôn bằng hoặc nhỏ hơn hạn mức cho vay nêu trên; thời điểm vay kết thúc trên giấy nhận nợ có thể vượt quá thời hạn hiệu lực rút vốn vay nói trên; lãi suất, phí, phạt được quy định trong từng giấy nhận nợ. Ngày 28/4/2017, anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y đã ký Giấy nhận nợ số 1517/17/GNN/XXIII.01 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, trong đó thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 11.1%/năm, lãi suất này được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo chính sách của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ngay khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thông báo thay đổi lãi suất; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; không có thỏa thuận lãi phạt chậm trả lãi, để thực hiện rút vốn vay với

số tiền là 1.690.000.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng). Hợp đồng và Giấy nhận nợ được bảo đảm bằng Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất số 1381A/16/BL/XXIII ngày 13/4/2016, giữa ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y và xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T dùng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tại Hợp đồng Cho vay hạn mức số 1517/17/TD/XXIII ngày 27/4/2017; thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đối với các thửa đất số 931, 936 và 940, tờ bản đồ số 95, tổng diện tích 28.596,4m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm khác và đất trồng lúa, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 917388, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00249 ngày 27/9/2010, mang tên bà Nguyễn Thị T, đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình vay vốn, anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y chỉ trả được cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền lãi là 56.212.443đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm mười hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng). Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y phải trả một lần số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/7/2018 là 1.939.841.924đ (Một tỷ chín trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh. Anh H1, chị Y xác nhận còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình số tiền trên, đồng ý trả số nợ còn thiếu cho Ngân hàng nhưng xin trả dần cứ ba tháng trả 01 lần cho đến khi dứt nợ, trả trong vòng 05 kỳ.

[2] Xét thấy Hợp đồng Cho vay hạn mức số 1517/17/TD/XXIII ngày 27/4/2017 đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, là hợp đồng vay có bảo đảm bằng tài sản thế chấp và Giấy nhận nợ số 1517/17/GNN/XXIII.01 ngày 28/4/2017 là một phụ lục không tách rời của Hợp đồng cho vay hạn mức số 1517/17/TD/XXIII ngày 27/4/2017, trong đó quy định rõ ngày đến hạn thanh toán khoản vay. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận Hợp đồng cho vay hạn mức và Giấy nhận nợ giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y là hợp pháp.

[3] *Về lãi suất:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu tính lãi theo hợp đồng cho vay hạn mức và giấy nhận nợ mà hai bên đã ký kết tạm tính đến ngày 29/7/2018 và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được

sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 468 Bộ luật Dân sự thì khi các bên ký kết hợp đồng cho vay hạn mức có thỏa thuận về lãi suất và lãi suất đó được quy định cụ thể trong Giấy nhận nợ số 1517/17/GNN/XIII.01 ngày 28/4/2017; do đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y phải chịu lãi suất theo hợp đồng cho vay hạn mức và giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y xin trả dần, cứ ba tháng trả 01 lần cho đến khi dứt nợ, trả trong vòng 05 kỳ, nhưng đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không đồng ý; do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh H1, chị Y.

[5] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, lãi suất vay.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A buộc anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/7/2018 là 1.939.841.924đ (*Một tỷ chín trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng*).

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, Điều 323, Điều 351 Bộ luật Dân sự; các điều 56, 58, 59, 63 và 66 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Ngoài ra, anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y, ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Thái N và chị Nguyễn Thị Mỹ X đồng ý để Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y không trả được nợ cho Ngân hàng. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y không trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- **Về án phí DSST có giá ngạch:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí.

Buộc anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y phải nộp án phí là: $36.000.000đ + (3\% \times 1.139.841.924đ) = 70.195.257đ$ (*Bảy mươi triệu một trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 147, Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 299, Điều 323, Điều 351, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y.

2. Buộc anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/7/2018 là 1.939.841.924đ (*Một tỷ chín trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng*) và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của Hợp đồng Cho vay hạn mức số 1517/17/TD/XXIII ngày 27/4/2017 và Giấy nhận nợ số 1517/17/GNN/XIII.01 ngày 28/4/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y không trả số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh

Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số 1381A/16/BL/XXIII ngày 13/4/2016 giữa ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y để thu hồi nợ.

Trường hợp anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 917388, ngày 27/9/2010, mang tên bà Nguyễn Thị T, đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí DSST có giá ngạch: Anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y phải nộp số tiền là: $36.000.000đ + (3\% \times 1.139.841.924đ) = 70.195.257đ$ (*Bảy mươi triệu một trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng*).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền là 32.507.000đ (*Ba mươi hai triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007923 ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H1, chị Dương Mỹ Y, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn H3, anh Nguyễn Thái N và chị Nguyễn Thị Mỹ X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo